

Xét nghiệm mỡ máu trên bệnh nhân có yếu tố nguy cơ tim mạch

BS NGUYỄN THỊ KIM THÚY
PKTQ MEDIC HÒA HẢO



ĐẶT VẤN ĐỀ

- Trong thăm khám ban đầu BS thường không làm đủ xét nghiệm bộ mỡ truyền thống(TC, LDLc, HDLc, TG)
- Xét nghiệm mỡ máu nào hiện có ở Medic?
- Nên chỉ định xét nghiệm mỡ máu nào?

Các xét nghiệm mỡ máu hiện làm ở Medic



- Cholesterol toàn phần (TC)
- LDLc (**sdLDL** đóng vai trò chính của XVĐM)
- HDLc
- Triglyceride
- **Apolipoprotein B (Apo B): Apo100** là protein chính trên các hạt gây XVĐM (LDLc, VLDL, IDL, Lipoprotein (a)), ít Apo 48 (chylomicron)
- Apo A1: Là protein chính và chiếm 45% khối lượng HDL
- **Lipoprotein (a)**

CÁCH ĐO TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP

Gián tiếp

- Friedewald:

$$\text{LDLc} = \text{TC} - \text{HDLc} - \text{TG}/X$$

(TG dưới 4,5mmol/L hay 400mg/dL)

- $\text{VLDLc} = \text{TG}/X$ ($X=5$ (mg/dL) hay 2,2(mmol/L))
- $\text{Non-HDLc} = \text{TC} - \text{HDLc}$

Trực tiếp

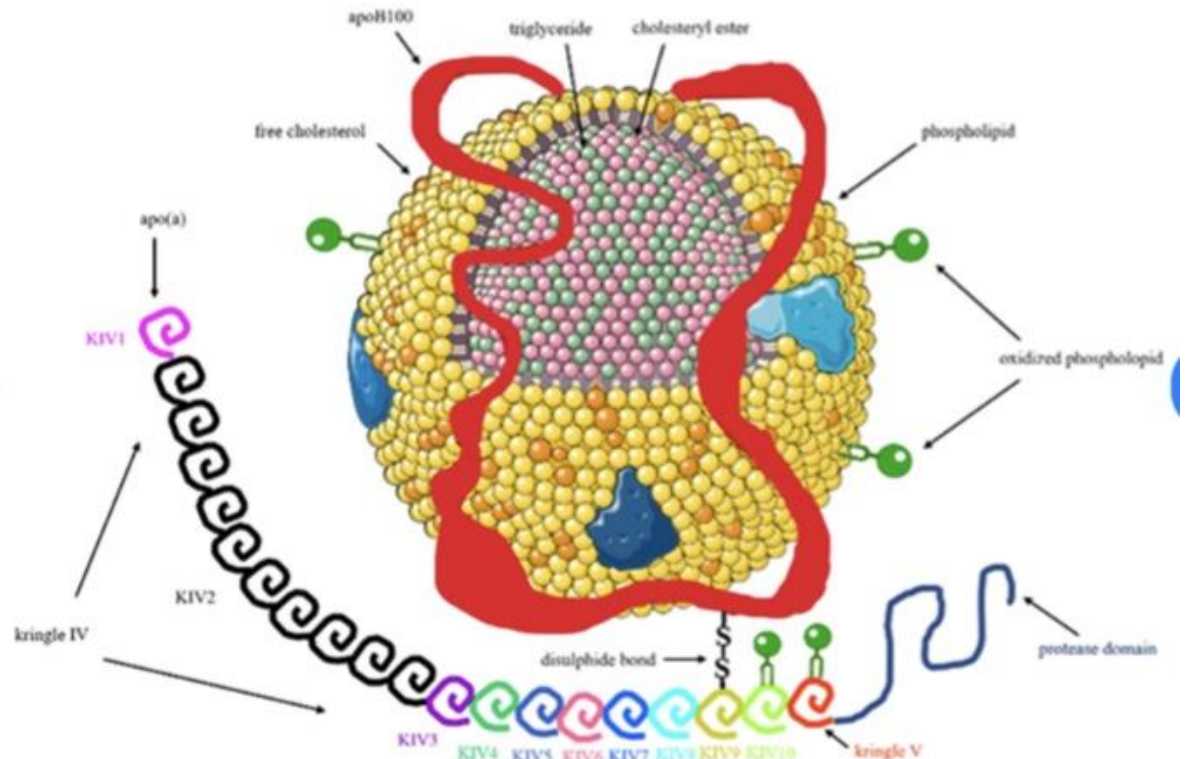
- TC
- LDLc (sdLDL)
- HDLc
- TG
- Apo B
- Apo A1
- Lipoprotein (a)

Cách lấy mẫu xét nghiệm (khi đói?)

- Tốt nhất nhịn đói (8-12 h)
- Nếu đã ăn:
 - TG thay đổi đáng kể
 - LDLc định lượng trực tiếp ít ảnh hưởng(với gián tiếp qua công thức có thể chấp nhận khi TG <4,5mmol/L)
 - TC, HDLc ảnh hưởng không đáng kể

LIPOPROTEIN a (Lp.a)

- Hạt giống LDLc
- Apo 100 bao quanh gắn:
- Apolipoprotein a (cấu tạo tương tự Plasminogen nguy cơ tạo máu đông.



Chỉ định Lipoprotein a

- Chỉ làm một lần trong đời vì thường không thay đổi
- Tiền sử bản thân hay gia đình có TBMMN, XVĐM, NMCT , RLCHM có hay không có rối loạn bộ mỡ truyền thống
- LDLc không giảm sau điều trị

Sd LDL-c

- Small Dense Low-Density Lipoprotein
- Kích thước siêu nhỏ dễ đi vào trong thành mạch
- Nhạy cảm gốc tự do, tạo tế bào bọt bởi BC là nguồn gốc mảng xơ vữa
- Tồn tại lâu khó đào thải

Chỉ định Sd-LDLc

- Bệnh nhân XVĐM, đột quỵ nhưng LDL-c bình thường
- Hội chứng chuyển hóa, béo phì
- Tiểu đường typy II
- TG cao, HDL-c thấp

CA LÂM SÀNG 1



- Nam, 1962, Cái bè, Tiền Giang
- BMI 28
- THA vài năm (Amlodipine 5mg/ ngày), TBMMN cũ
- Khám ngày 16/5/2025: phù chi dưới
- Huyết áp lúc vào 173/77 mạch 71
- Bệnh nhân yêu cầu KTSKTQ, tìm nguyên nhân phù

CA LÂM SÀNG 1



Chẩn đoán sơ bộ : **TĂNG HUYẾT ÁP - PHÙ CHI DƯỚI - KIỂM TRA SỨC KHỎE TỔNG QUÁT**

PHÂN TÍCH ECG (ANALYSIS) :

aQRS: **0** Rhythm: **XOANG** Rate: **55** Interval : PR: **0.20** QRS: **0.08** QT: **0.40**
PWave : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**
QRS Complex : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**
ST Segments : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**
TWave : Ext. Leads **ĐỆT D3AVLAVF**
: Pre. Leads **ĐỆT V5V6**
UWave : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**

KẾT LUẬN : **NHỊP XOANG CHẬM**
THEO DÕI THIỂU NĂNG VÀNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16/05/2025 09:22
(Bác sĩ đã ký)

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "L. M. L.".

CA LÂM SÀNG 1



ĐƠN VỊ CHẨN ĐOÁN: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HỒ CHÍ MINH

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc GAN THẨM MỠ, đồng dạng, không sang thương khu trú.
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.
- HAI THẬN ĐÓNG VỚI, không ứ nước.
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bấu, vách mỏng.
- TIỀN LIỆT TUYẾN KHÔNG TO
- Động mạch chủ bụng không phình.
- Ascites (-). Không hạch ổ bụng.
- Không tràn dịch màng phổi.



KẾT LUẬN: GAN THẨM MỠ. (độ 3)
HAI THẬN ĐÓNG VỚI.

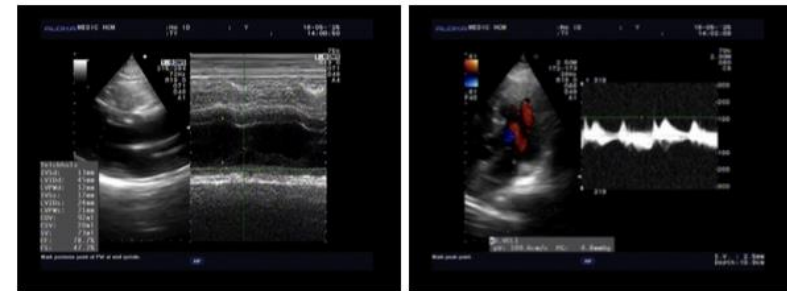
Đề nghị:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16/05/2025 13:15
(Bác sĩ đã ký)

MẠCH MÁU NAO CỤ

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TIM MÀU

- 1- Nhĩ trái dãn nhẹ. Thất trái dày nhẹ LVDD=45 mm. Các buồng tim khác trong giới hạn bình thường. Loạn động vách liên thất và thành dưới. Chức năng tâm thu thất trái bảo tồn, EF= 78% (Teichholz). Chức năng tâm thu thất phải TAPSE=22 mm
- 2- Van 2 lá dày, hở 1/4. Van ĐMC dày, hở 1/4. Không tăng áp động mạch phổi sPAP= 28mmHg. Động mạch chủ ngực kích thước bình thường
- 3- Không tràn dịch màng tim.



KẾT LUẬN: BỆNH TIM DO CAO HUYẾT ÁP VÀ THIẾU MÁU CỤC BỘ
THẤT TRÁI DÀY NHẸ BẢO TỒN CHỨC NĂNG TÂM THU
HỞ VAN 2 LÁ 1/4. HỞ VAN ĐỘNG MẠCH CHỦ 1/4.

Đề nghị:

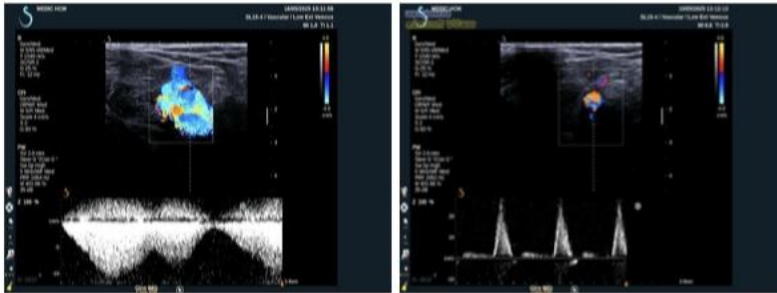
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16/05/2025 14:18
(Bác sĩ đã ký)

CA LÂM SÀNG 1



VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM DOPPLER MẠCH MÁU CHÂN

1. Hệ động mạch có dòng chảy từ động mạch chậu , xuống động mạch đùi , động mạch khoeo , động mạch chày sau và động mạch mu chân hai bên : thành mạch xơ vữa , không hẹp , vận tốc dòng chảy bình thường.
2. Hệ tĩnh mạch sâu hai chân từ tĩnh mạch chậu xuống tĩnh mạch đùi , tĩnh mạch khoeo , tĩnh mạch chày trước , tĩnh mạch chày sau hai bên dẫn , không có dòng trào ngược qua van , dè xẹp hoàn toàn , không huyết khối.
- Tĩnh mạch hiển lớn - bé hai bên không có dòng trào ngược, không huyết khối



KẾT LUẬN : DẪN TĨNH MẠCH SÂU HAI CHÂN , KHÔNG HUYẾT KHỐI.

Đề nghị :

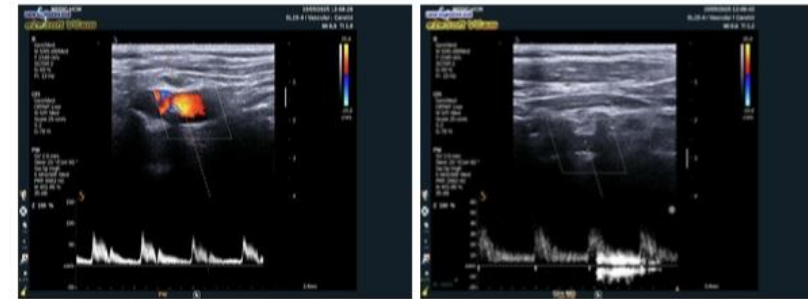
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16/05/2025 13:14
(Bác sĩ đã ký)

BS chỉ định : BS. CKI. NGUYEN THỊ KIM THUY

BV chỉ định : MEDIC

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM DOPPLER HỆ ĐỘNG MẠCH CẢNH

1. Hệ động mạch cảnh chung , động mạch cảnh ngoài , động mạch cảnh trong hai bên : thành mạch XƠ VỮA, CÓ PLAQUE DÀY GÂY HẸP 35- 50% ĐOẠN GỐC ĐỘNG MẠCH CẢNH TRONG HAI BÊN, PHẢI > TRÁI
2. Hệ động mạch cột sống hai bên : không hẹp , có dòng chảy và vận tốc bình thường.
3. Tĩnh mạch cảnh hai bên không dẫn , dè xẹp , không huyết khối.



KẾT LUẬN : HẸP 35- 50% ĐOẠN GỐC ĐỘNG MẠCH CẢNH TRONG HAI BÊN, PHẢI > TRÁI

Đề nghị :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16/05/2025 13:16
(Bác sĩ đã ký)

CA LÂM SÀNG 1



Loại mẫu: Máu/N.Tiểu Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
I. HUYẾT HỌC / ĐÔNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION			
NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)¹			
	*		
WBC	11.42 H	(4.0 - 10.5)10 ⁹ /L	QTHH019
% Neu	75.7	(40 - 74 %)	
% Lym	15.8	(19 - 48 %)	
% Mono	7.6	(3 - 9 %)	
% Eos	0.3	(0 - 7 %)	
% Baso	0.6	(0 - 1.5 %)	
# Neu	8.65 H	(1.7 - 7.0) 10 ⁹ /L	
# Lym	1.80	(1.0 - 4.0) 10 ⁹ /L	
# Mono	0.87	(0.1 - 1.0) 10 ⁹ /L	
# Eos	0.03	(0 - 0.5) 10 ⁹ /L	
# Baso	0.07	(0 - 0.2) 10 ⁹ /L	
RBC	4.79	(3.80 - 5.60)10 ¹² /L	QTHH020
Hb	15.6	(12.0 - 18.0 g/dL)	QTHH025
Hct	45.4	(35 - 52 %)	
MCV	94.8	(80 - 100 fL)	
MCH	32.6 H	(26 - 32 pg)	
MCHC	34.4	(32 - 36 g/dL)	
RDW	11.8	(11.0 - 15.7%)	
PLT	210	(150 - 400)10 ⁹ /L	QTHH021
MPV	11.0	(6.30 - 12.0 fL)	
TQ profile (PT/ INR profile)¹			
	*		QTHH022
INR	1.06	(0.85 - 1.28)	

Số trang: 1/5

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác.

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch
H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
TQ ¹	11.7	(9.4 - 14.0 sec)	
Prothrombin Time	89	(> 70%)	
II. VI SINH/NƯỚC TIỂU/PHÂN/ĐÁM/DỊCH - MICROBIOLOGY/URINE/STOOL/SPUTUM/FLUID ANALYSIS			
URINARY ANALYSIS:			
	*		QTVS044
1)Chemistry (Sinh Hóa) :			
	*		
Glucose	Âm tính	(mmol/L)	
Ketone	Âm tính	(<0.5 mmol/L)	
Bilirubin	Âm tính	(µmol/L)	
Urobilinogen	Âm tính	(µmol/L)	
Color	Vàng		
Clarity	Trong		
Spe-Gravity	1.020	(1.005-1.030)	
pH	7.0	(4.6-8.0)	
Albumin	Âm tính	(mg/L)	
Protein	Âm tính	(g/L)	
Alb/Creat ratio-ACR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 30 mg/gCr)	
Pro/Creat ratio-PCR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 150 mg/gCr)	
Blood	Âm tính	(Âm tính)	
Leucocytes	Âm tính	(Âm tính)	
Nitrite	Âm tính	(Âm tính)	
2)Urine Sediment (Cặn Lắng):			
	.	(particles/µL)	
Red Blood Cells	1	(0 - 15)	
Leucocytes	3	(0 - 15)	

Số trang: 2/5

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác.

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch
H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

CA LÂM SÀNG 1



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)	
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)	
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)	
Uric acid	0	(0 - 6)	
Casts	0	(0 - 6)	
Epithelial Cells	1	(0 - 10)	
Bacteria	0	(0 - 130)	
III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY			
HbA1C (HPLC)¹:	*		QTSH012
HbA1c (IFCC)	58.69 H	(20 - 38.80 mmol/mol)	
HbA1c (NGSP)	7.52 H	(4.0 - 5.70 %A1c)	
Glucose (mmol/L) (FPG)¹	8.96 H	(3.90 - 5.60 mmol/L)	QTSH001
Glucose (mg/dL)	161.3 H	(70.2 - 100.8 mg/dL)	
IONOGRAMME²:	*		QTSH067
Na	139.1	(130 - 145 mmol/L)	
K	3.83	(3.40 - 5.1 mmol/L)	
Ca	2.40	(2.1 - 2.80 mmol/L)	
Cl	103.3	(96 - 108 mmol/L)	
Albumin ²	4.24	(3.60 - 5 g/dL)	QTSH056
hs CRP	4.57 H	(≤ 3 mg/L)	QTSH028
*Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)	*		
Creatinin/Serum ²	0.760	(M: 0.6 - 1.3; F:0.5 - 1.1 mg/dL)	QTSH027
eGFR (CKD-EPI)	101	(≥ 90 mL/min/1.73 m ²)	
LDL Cholesterol ²	5.56 H	(<2.59; Ngưỡng: 2.59-4.13 mmol/L)	QTSH093

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác..

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch
H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

Số trang: 3/5

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Triglycerides¹	4.53 H	(Cao: 4.14 - 4.91; Rất cao ≥ 4.92)	QTSH015
Cholesterol, Total¹	8.54 H	(Cao: 2.26 - 5.64; Rất cao ≥ 5,65)	QTSH003
GGT¹	137.8 H	(Cao: ≥ 6.22)	QTSH004
SGOT (AST)¹	119.9 H	(M < 55 U/L; F < 36 U/L)	QTSH005
SGPT (ALT)¹	124.1 H	(< 35 U/L)	QTSH013
IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY			
* NT - ProBNP II² (Pro BNP)	45.30	(pg/mL)	QTMD172
Diễn giải:	.	QĐ 1857 - BYT ngày 05/07/2022	
- Suy tim cấp: ngưỡng loại trừ	tất cả độ tuổi	(< 300 pg/mL)	
Ngưỡng chẩn đoán	< 55 tuổi	(> 450 pg/mL)	
	55 - 75 tuổi	(> 900 pg/mL)	
	> 75 tuổi	(> 1800 pg/mL)	
- Suy tim mạn: ngưỡng loại trừ	tất cả độ tuổi	(< 125 pg/mL)	
Troponin-I hs (Abbott)¹	<3.20	Phản tăng nguy cơ tim mạch	QTMD011.1
Phản tăng nguy cơ tim mạch	Nguy cơ thấp	Nam: Thấp < 6 ng/L	
	.	Trung bình: 6 - 12 ng/L	
	.	Cao > 12 ng/L	
TSH u.sensitive (3rd G)¹	1.08	(0.32 - 5 µIU/ml)	QTMD009
Free T4 ²	0.920	(0.71 - 1.85 ng/dL)	QTMD036

Thời gian duyệt: 09:46:21 16/05/2025
Người duyệt: BS.Từ Thị Huệ Trang

In lần 1: 09:46:54 16/05/2025
Trưởng khoa xét nghiệm

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác..

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch
H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

Số trang: 4/5

CA LÂM SÀNG 1

- Bệnh nhân được điều trị sau 1 tháng, bỏ thuốc 10 ngày tái khám
- Huyết áp 159/70 mạch 60
- Khỏe, không còn phù chi dưới
- Chỉ định test máu (Lipoprotein (a)...))

CA LÂM SÀNG 1



Loại mẫu: Máu/NIH

Thời gian chờ: 20'

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION			
NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)¹	*		
WBC	9.7	(4.0 - 10.5)10 ⁹ /L	QTHH019
% Neu	64.0	(40 - 74 %)	
% Lym	24.0	(19 - 48 %)	
% Mono	9.9	(3 - 9 %)	
% Eos	1.2	(0 - 7 %)	
% Baso	0.9	(0 - 1.5 %)	
# Neu	6.2	(1.7 - 7.0) 10 ⁹ /L	
# Lym	2.3	(1.0 - 4.0) 10 ⁹ /L	
# Mono	1.0	(0.1 - 1.0) 10 ⁹ /L	
# Eos	0.1	(0 - 0.5) 10 ⁹ /L	
# Baso	0.1	(0 - 0.2) 10 ⁹ /L	
RBC	4.67	(3.80 - 5.60)10 ¹² /L	QTHH020
Hb	15.3	(12.0 - 18.0 g/dL)	QTHH025
Hct	43.4	(35 - 52 %)	
MCV	93.0	(80 - 100 fL)	
MCH	32.8 H	(26 - 32 pg)	
MCHC	35.2	(32 - 36 g/dL)	
RDW	12.8	(11.0 - 15.7%)	
PLT	232	(150 - 400)10 ⁹ /L	QTHH021
MPV	8.9	(6.30 - 12.0 fL)	

II. VI SINH/NUỚC TIỂU/PHÂN/ĐÀM/DỊCH - MICROBIOLOGY/URINE/STOOL/SPUTUM/FLUID ANALYSIS

Số trang: 1/4

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác..

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch
H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
URINARY ANALYSIS:			
	*		QTVS044
1)Chemistry (Sinh Hóa) :			
	*		
Glucose	Âm tính	(mmol/L)	
Ketone	Âm tính	(<0.5 mmol/L)	
Bilirubin	Âm tính	(µmol/L)	
Urobilinogen	Âm tính	(µmol/L)	
Color	Vàng		
Clarity	Trong		
Spe-Gravity	1.017	(1.005-1.030)	
pH	6.0	(4.6-8.0)	
Albumin	30	(mg/L)	
Protein	Âm tính	(g/L)	
Alb/Creat ratio-ACR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 30 mg/gCr)	
Pro/Creat ratio-PCR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 150 mg/gCr)	
Blood	Âm tính	(Âm tính)	
Leucocytes	Âm tính	(Âm tính)	
Nitrite	Âm tính	(Âm tính)	
2)Urine Sediment (Cặn Lắng):			
	.	(particles/µL)	
Red Blood Cells	0	(0 - 15)	
Leucocytes	3	(0 - 15)	
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)	
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)	
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)	
Uric acid	0	(0 - 6)	

Số trang: 2/4

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác..

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch
H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

CA LÂM SÀNG 1



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Casts	0	(0 - 6)	
Epithelial Cells	2	(0 - 10)	
Bacteria	0	(0 - 130)	
III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY			
HbA1C (HPLC)¹:	*		QTSH012
HbA1c (IFCC)	51.37 H	(20 - 38.80 mmol/mol)	
HbA1c (NGSP)	6.85 H	(4.0 - 5.70 %A1c)	
Glucose (mmol/L) (FPG)¹	5.18	(3.90 - 5.60 mmol/L)	QTSH001
Glucose (mg/dL)	93.24	(70.2 - 100.8 mg/dL)	
MICRO.ALB/Urine (Quantitative):	*		QTSH099
Micro Albumine/Creat	9.14	(< 30 mg/g)	
hs CRP	6.81 H	(≤ 3 mg/L)	QTSH028
*Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)	*		
Creatinin/Serum ²	0.628	(M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL)	QTSH027
eGFR (CKD-EPI)	107	(≥ 90 mL/min/1.73 m ²)	
LDL Cholesterol ²	5.59 H	(<2.59; Ngưỡng: 2.59-4.13 mmol/L)	QTSH093
	.	(Cao: 4.14 - 4.91; Rất cao ≥ 4.92)	
HDL Cholesterol ²	0.975 L	(≥1.55; Ngưỡng: 1.04-1.54 mmol/L)	QTSH084
	.	(Thấp: < 1.04)	
Triglycerides¹	2.56 H	(<1.70; Ngưỡng: 1.70-2.25 mmol/L)	QTSH015
	.	(Cao: 2.26 - 5.64; Rất cao ≥ 5.65)	
Cholesterol, Total¹	7.76 H	(<5.18; Ngưỡng: 5.18-6.21 mmol/L)	QTSH003
	.	(Cao: ≥ 6.22)	
Lipoprotein (a) (nmol/L)	240.0 H	(≤ 105 nmol/L)	
Lipoprotein (a) (mg/dL)	111.8 H	(≤ 50 mg/dL)	

Số trang: 3/4

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân
Mã QR phía trên chứa bệnh án của quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác.

Lấy máu tại nhà:
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)

- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

H: High - L: Low

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022

2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm

3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (**) KQ báo động

4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
GGT¹	45.46	(M < 55 U/L; F < 36 U/L)	QTSH004
SGOT (AST)¹	28.45	(< 35 U/L)	QTSH005
SGPT (ALT)¹	42.78 H	(< 30 U/L)	QTSH013
IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY			
Troponin-I hs (Abbott) ¹	<3.20	Phản tăng nguy cơ tim mạch	QTMD011.1
Phản tăng nguy cơ tim mạch	Nguy cơ thấp	Nam: Thấp < 6 ng/L	
	.	Trung bình: 6 - 12 ng/L	
	.	Cao > 12 ng/L	
HBsAg (Định tính, qualitative)¹	NEG S/CO 0.330	(Index <1; S/Co <1)	QTMD017
Anti HCV (Định tính, qualitative)¹	NEG S/CO 0.100	(S/Co < 1; Index < 1)	QTMD018
A.F.P¹	6.03	(< 20 ng/mL)	QTMD006

Thời gian duyệt: 13:23:49 26/06/2025
Người duyệt: DS.Phan Thị Thu Hồng

In lần 1: 13:24:22 26/06/2025
Trưởng khoa xét nghiệm

Khuyến nghị lâm sàng:

CA LÂM SÀNG 1

- XVĐM (35-50%)
- LDL-c 5.56mmol/L rất cao
- Lp(a) 240nmol/L nguy cơ cao về XVĐM, NMCT độc lập LDL-c
- Huyết áp 173/77 chưa kiểm soát tốt

Bệnh nhân thuộc nhóm nguy cơ rất cao

CA LÂM SÀNG 1

- Chẩn đoán: Tăng huyết áp – Thiếu máu cơ tim – Xơ vữa động mạch cảnh – Dẫn tĩnh mạch chi dưới - Tiểu đường II – Rối loạn chuyển hóa mỡ (Lipoprotein (a) – Tiền sử TBMMN
- Bệnh nhân được chuyển khám theo dõi tim mạch

1. Normodipine 5mg (Amlodipin 5mg) Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (sáng (từ sáng mai))	15 viên
2. Bonsartine 25mg. (Losartan 25mg) Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (chiều)	15 Viên
3. Feelnor 20mg (Trimetazidine) Ngày uống 02 lần, lần 01 viên (sáng-chiều)	30 Viên
4. Rosubolic-10 (Rosuvastatin) Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (sau ăn chiều)	15 Viên
5. Fentania (Dapagliflozin 10mg) Ngày uống 01 lần, lần 01/2 viên (sau ăn sáng)	08 Viên
6. Copedina 75mg (Clopidogrel) Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (sau ăn chiều (cảm sốt hay đau bao tử ngừng))	15 viên
7. Diosfort (Diosmin 600mg) Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (sau ăn chiều)	15 Viên
8. Homan 300mg (Acid ursodeoxycholic 300mg) Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (sau ăn chiều)	15 Viên



CA LÂM SÀNG 1

Mục tiêu điều trị:

- HA dưới 130/80 mmHg (tt 120-129mmHg, ttr <80mmHg)
- LDLc < 1,4mmol/L (giảm ít nhất 50% so ban đầu): statin, Ezetimibe, PCSK9
- ĐTĐ: HbA1c <7, dùng SGLT2, hay GLP-1
- Aspirin, Clopidogrel
- Bỏ thuốc lá, rượu bia

CA LÂM SÀNG 2



- Nam, 1986
- Ấp Bạch Long, Gia tân 2, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai
- Khám ngày 27/6/2025
- Không rõ tiền sử THA, không hút thuốc
- BMI 30
- KTSK
- Huyết áp 166/90 Mạch 100

CA LÂM SÀNG 2



Chẩn đoán sơ bộ : TANG HUYET AP - TRAO NGƯỢC DẠ DÀY THỰC QUẢN - KIỂM TRA YÊU CẦU

PHÂN TÍCH ECG (ANALYSIS) :

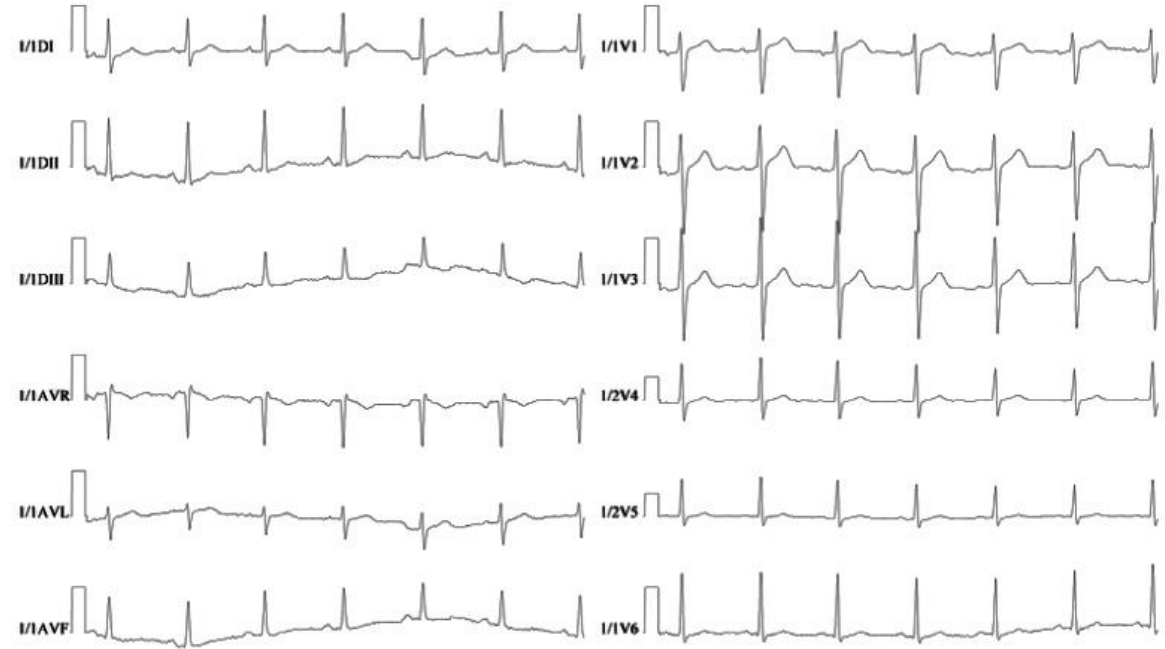
aQRS: **65** Rhythm: **XOANG** Rate: **85** Interval : PR: **0.14** QRS: **0.08** QT: **0.28**
PWave : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**
QRS Complex : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**
ST Segments : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**
TWave : Ext. Leads **(-)DET/D3AVF**
: Pre. Leads **DET V5V6**
UWave : Ext. Leads **BT**
: Pre. Leads **BT**

KẾT LUẬN : THEO DÕI TĂNG GÁNH THẤT TRÁI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/06/2025 10:09
(Bác sĩ đã ký)

Bs. CKI. Nguyễn Tuyết Vân

Cao : 163 Nặng : 80 HA : 170/90 Tốc độ : 25mm/s Ngày : 27/6/2025 Giờ : 9:12
Chỉ định : =



CA LÂM SÀNG 2



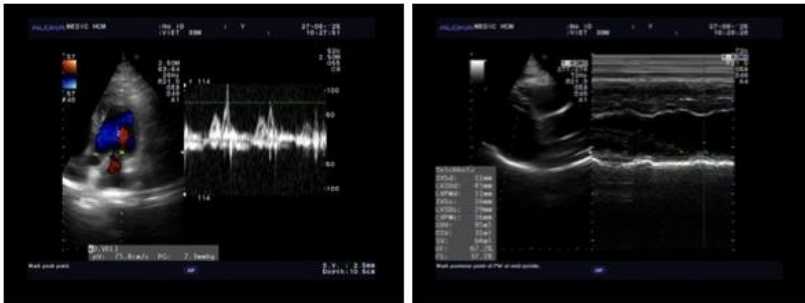
Chẩn đoán sơ bộ : TĂNG HUYẾT ÁP - TRÀO NGƯỢC DẠ DÀY THỰC QUẢN - KIỂM TRA YẾU CẦU

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TIM MÀU

1- Dày thất trái nhẹ. Các buồng tim khác bình thường LVDd= 45 mm
Không rối loạn vận động khu trú. Chức năng tâm thu thất trái tốt EF=67 % (Teichholz)
Chức năng tâm thu thất phải bình thường TAPSE= 22mm

2- Van hai lá dày hờ 1/4; Van ĐM chủ 3 mảnh , dày hờ 1/4
Không tăng áp phổi PAPS=31mmHg
Động mạch chủ ngực kích thước bình thường.

3- Không tràn dịch màng ngoài tim.



KẾT LUẬN : HỞ VAN HAI LÁ 1/4, HỞ VAN ĐM CHỦ 1/4
DÀY THẤT TRÁI NHẸ CÓ THỂ DO CAO HUYẾT ÁP

Đề nghị :

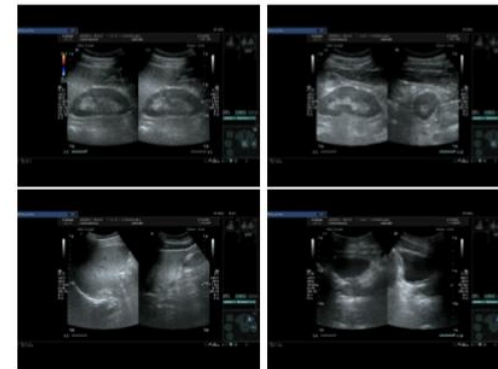
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/06/2025 10:46
(Bác sĩ đã ký)

6

BS chỉ định : BS. CKI. NGUYEN THỊ KIM THUY BV chỉ định : MEDIC

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM DOPPLER MẠCH MÁU THẬN

- GAN: Không to, bờ đều, tăng phản âm so với chủ mô lách, không đồng nhất, giảm âm vùng sâu, không sang thương khu trú.
- MẬT: túi mật không sỏi. Đường mật trong gan không giãn.
- Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Bình thường. LÁCH: không to.
- THẬN P-T: không sỏi, không ứ nước. Kích thước hai thận trong giới hạn bình thường. Cấu trúc vỏ tủy phân biệt, phân bố mạch máu trên Doppler màu trung bình.
- Động mạch thận hai bên đoạn gốc, đoạn chủ mô thận: không tắc hẹp, AT, RIR RI, PSV trong giới hạn bình thường.
- Tuyến thượng thận: hai bên không u.
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướng, xẹp.
- Động mạch chủ bụng không phình.
- Vùng chậu không u. TIỀN LIỆT TUYẾN: kích thước bình thường, bờ đều, V=21,6cm³, không đóng vôi.
- Ascites (-). Không hạch bệnh lý. Không tràn dịch màng phổi.



KẾT LUẬN : -Gan,tụy nhiễm mỡ lan tỏa, độ II
-Động mạch thận hai bên không tắc hẹp

Đề nghị :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/06/2025 12:16
(Bác sĩ đã ký)

CA LÂM SÀNG 2



Nơi lấy mẫu: Lâu 1
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

BS yêu cầu: BS. CKI. NGUYEN THỊ KIM THUY
Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION			
NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)¹	*		
WBC	5.74	(4.0 - 10.5)10 ⁹ /L	QTHH019
% Neu	57.9	(40 - 74 %)	
% Lym	27.2	(19 - 48 %)	
% Mono	11.7	(3 - 9 %)	
% Eos	2.8	(0 - 7 %)	
% Baso	0.4	(0 - 1.5 %)	
# Neu	3.33	(1.7 - 7.0) 10 ⁹ /L	
# Lym	1.56	(1.0 - 4.0) 10 ⁹ /L	
# Mono	0.67	(0.1 - 1.0) 10 ⁹ /L	
# Eos	0.16	(0 - 0.5) 10 ⁹ /L	
# Baso	0.02	(0 - 0.2) 10 ⁹ /L	
RBC	5.10	(3.80 - 5.60)10 ¹² /L	QTHH020
Hb	16.4	(12.0 - 18.0 g/dL)	QTHH025
Hct	47.8	(35 - 52 %)	
MCV	93.8	(80 - 100 fL)	
MCH	32.1 H	(26 - 32 pg)	
MCHC	34.2	(32 - 36 g/dL)	
RDW	14.8	(11.0 - 15.7%)	
PLT	195	(150 - 400)10 ⁹ /L	QTHH021
MPV	8.4	(6.30 - 12.0 fL)	

II. VI SINH/NUỚC TIỂU/PHÂN/ĐÀM/DỊCH - MICROBIOLOGY/URINE/STOOL/SPUTUM/FLUID ANALYSIS

* Đây là kết quả dạng số trả tự động từ hệ thống Medic. Bản giấy, khoa Xét nghiệm đã ký trả bệnh nhân

Số trang: 1/4

Nơi lấy mẫu: Lâu 1
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

BS yêu cầu: BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THUY
Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
URINARY ANALYSIS:			
	*		QTVS044
1)Chemistry (Sinh Hóa) :			
Glucose	Âm tính	(mmol/L)	
Ketone	Âm tính	(<0.5 mmol/L)	
Bilirubin	Âm tính	(µmol/L)	
Urobilinogen	Âm tính	(µmol/L)	
Color	Vàng		
Clarity	Trong		
Spe-Gravity	1.015	(1.005-1.030)	
pH	5.5	(4.6-8.0)	
Albumin	Âm tính	(mg/L)	
Protein	Âm tính	(g/L)	
Alb/Creat ratio-ACR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 30 mg/gCr)	
Pro/Creat ratio-PCR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 150 mg/gCr)	
Blood	Âm tính	(Âm tính)	
Leucocytes	Âm tính	(Âm tính)	
Nitrite	Âm tính	(Âm tính)	
2)Urine Sediment (Cặn Lắng):			
Red Blood Cells	0	(0 - 15)	
Leucocytes	0	(0 - 15)	
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)	
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)	
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)	
Uric acid	0	(0 - 6)	

Số trang: 2/4

CA LÂM SÀNG 2



Nơi lấy mẫu: Lâu 1
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

BS yêu cầu: BS. CKI. NGUYEN THỊ KIM THUY
Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Casts	0	(0 - 6)	
Epithelial Cells	0	(0 - 10)	
Bacteria	0	(0 - 130)	
III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY			
HbA1C (HPLC)¹:	*		QTSH012
HbA1c (IFCC)	40.55	(20 - 38.80 mmol/mol)	
HbA1c (NGSP)	5.86	(4.0 - 5.70 %A1c)	
Glucose (mmol/L) (FPG)¹	5.27	(3.90 - 5.60 mmol/L)	QTSH001
Glucose (mg/dL)	94.86	(70.2 - 100.8 mg/dL)	
IONOGRAMME²:			
Na	140.1	(130 - 145 mmol/L)	
K	3.91	(3.40 - 5.1 mmol/L)	
Ca	2.30	(2.1 - 2.80 mmol/L)	
Cl	105.2	(96 - 108 mmol/L)	
hs CRP	9.44 H	(≤ 3 mg/L)	QTSH028
*Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)	*		
Creatinin/Serum ²	1.07	(M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL)	QTSH027
eGFR (CKD-EPI)	91	(≥ 90 mL/min/1.73 m ²)	
LDL Cholesterol ²	2.41	(<2.59; Ngưỡng: 2.59-4.13 mmol/L)	QTSH093
		(Cao: 4.14 - 4.91; Rất cao ≥ 4.92)	
HDL Cholesterol ²	0.900 L	(≥1.55; Ngưỡng: 1.04-1.54 mmol/L)	QTSH084
		(Thấp: < 1.04)	
Triglycerides¹	4.34 H	(<1.70; Ngưỡng: 1.70-2.25 mmol/L)	QTSH015
		(Cao: 2.26 - 5.64; Rất cao ≥ 5.65)	

Nơi lấy mẫu: Lâu 1
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

BS yêu cầu: BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THUY
Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Cholesterol, Total¹	5.00	(<5.18; Ngưỡng: 5.18-6.21 mmol/L)	QTSH003
		(Cao: ≥ 6.22)	
GGT¹	84.16 H	(M < 55 U/L; F < 36 U/L)	QTSH004
SGOT (AST)¹	35.97 H	(< 35 U/L)	QTSH005
SGPT (ALT)¹	50.93 H	(< 30 U/L)	QTSH013
IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY			
Troponin-I hs (Abbott) ¹	<3.20	Phân tầng nguy cơ tim mạch	QTMD011.1
Phân tầng nguy cơ tim mạch	Nguy cơ thấp	Nam: Thấp < 6 ng/L	
		Trung bình: 6 - 12 ng/L	
		Cao > 12 ng/L	
TSH u.sensitive (3rd G)¹	1.34	(0.32 - 5 µIU/mL)	QTMD009
Free T4²	0.900	(0.71 - 1.85 ng/dL)	QTMD036

Thời gian duyệt: 09:23:40 27/06/2025
Người duyệt: DS. Phạm Văn Đức

Khuyến nghị lâm sàng:
Theo QĐ 5481/QĐ - BYT/2020
HbA1C: (< 5.7; Tiền Tiểu đường 5.7-6.4 ; Tiểu đường ≥ 6.5%)
Glucose đói: (< 100; Tiền Tiểu đường 100 - 125 ; Tiểu đường ≥ 125 mg/dL)

In lần 1: 09:24:54 27/06/2025
Trưởng khoa xét nghiệm

ThS. Bs. Nguyễn Bảo Toàn

CA LÂM SÀNG 2

- Chẩn đoán Tăng huyết áp – Rối loạn chuyển hóa mỡ
- Score 2 (online) : 5%, nguy cơ cao

Mục tiêu điều trị

- BMI < 25
- Thể dục 30-60 phút / ngày
- Chỉnh chế độ ăn, muối dưới 5g / ngày
- HATT < 140mmHg sau đó 130mmHg
- LDLc < 2,6mmol/L, sau đó 1,8mmol/L

Ca lâm sàng 3

- Bệnh nhân nam 1982
- Nguyễn Văn Cừ, tp HCM
- BMI 25.7
- Tiền sử Nhồi máu não cách 4 năm ? Hiện không thuốc
- KTSKTQ
- Huyết áp 150/89 Mạch 72

Ca lâm sàng 3

BỆNH VIỆN TÂM SỨC HƯỚNG DẪY QUẢN LÝ YẾU TỐ RỦI RO
HỒ CHÍ MINH

Bác sĩ chỉ định : Bs. CKI. Nguyễn Thị Kim Thúy

Ngày ĐK : 20/01/2026 09:11

Chẩn đoán sơ bộ :

PHÂN TÍCH ECG (ANALYSIS) :

aQRS: **40** Rhythm: **XOANG** Rate: **70** Interval : PR: **0.20** QRS: **0.08** QT: **0.36**

PWave : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

QRS Complex : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

ST Segments : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

TWave : Ext. Leads **ĐỆT/D3**

: Pre. Leads **T BIÊN ĐỘ THẤP /V5V6**

UWave : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

KẾT LUẬN : THEO DÕI TĂNG GÁNH THẤT TRÁI. □ THIỂU NĂNG VÀNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/01/2026 09:28
(Bác sĩ đã ký)

|||

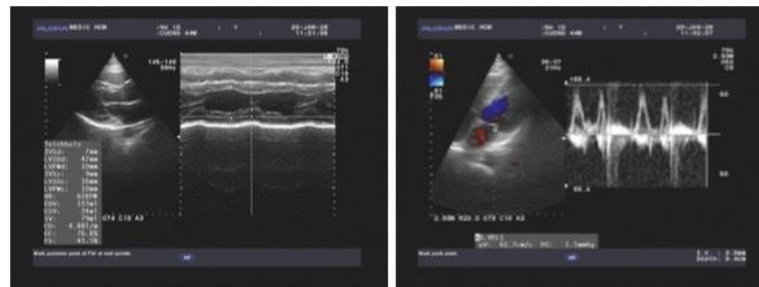
Chẩn đoán sơ bộ : TĂNG HUYẾT ÁP - TIỀN SỬ NHỒI MÁU NÃO KHÔNG THEO DÕI ĐIỀU TRỊ - KIỂM TRA SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TIM MÀU

1- Các buồng tim trong giới hạn bình thường LVdđ= 47 mm
Không rối loạn vận động khu trú. Chức năng tâm thu thất trái tốt EF= 76%(Teichholz)
Chức năng tâm thu thất phải bình thường TAPSE= 22mm

2- Van hai lá dày hờ 1/4, van ĐMC bình thường
Không tăng áp lực ĐMP (PAPs=28mmHg)
Động mạch chủ ngực kích thước bình thường

3- Không tràn dịch màng tim.



KẾT LUẬN: HỞ VAN 2 LÁ 1/4
THẤT TRÁI CƠ BÓP TỐT

Đề nghị:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/01/2026 10:53
(Bác sĩ đã ký)

Uall

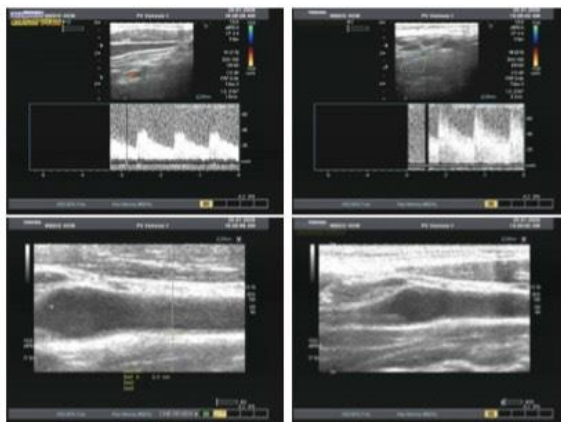
Ca lâm sàng 3

Chẩn đoán sơ bộ : TĂNG HUYẾT AP - TIỀN SỬ NHỒI MÁU NÃO KHÔNG THEO DỜI ĐIỀU TRỊ - KIỂM TRA SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

BS chỉ định : BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THÚY BV chỉ định : MEDIC

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM DOPPLER HỆ ĐỘNG MẠCH CẢNH

1. Hệ động mạch cảnh chung , động mạch cảnh ngoài , động mạch cảnh trong hai bên : thành mạch xơ vữa, ciment = 0.9mm, không plaque , không hẹp , có dòng chảy và vận tốc bình thường.
2. Hệ động mạch cột sống hai bên : không hẹp , có dòng chảy và vận tốc bình thường.
3. Tĩnh mạch cảnh hai bên không giãn , ã xẹp , không huyết khối.



KẾT LUẬN : Dày và xơ vữa thành động mạch cảnh chung, không hẹp.

Đề nghị :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/01/2026 10:13
(Bác sĩ đã ký)

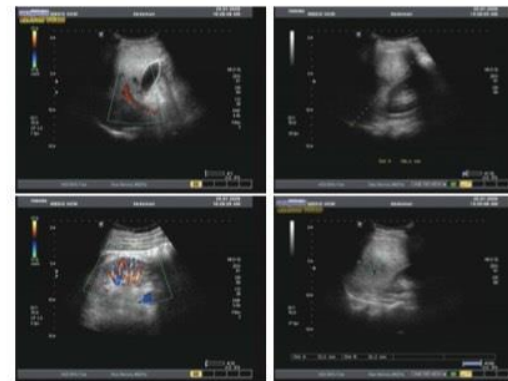
[Handwritten signature]

Chẩn đoán sơ bộ : TĂNG HUYẾT AP - TIỀN SỬ NHỒI MÁU NÃO KHÔNG THEO DỜI ĐIỀU TRỊ - KIỂM TRA SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

BS chỉ định : BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THÚY BV chỉ định : MEDIC

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc phản âm dày, giảm âm vùng sâu, đồng dạng, hpt vii có mass echo kém d= 26x33mm, Doppler (-)
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TUY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.
- THẬN P-THẬN T: không sỏi, không ứ nước.
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bườu, vách mỏng.
- Vùng chậu không u.
- Động mạch chủ bụng không phình.
- Ascites (-). Không hạch ổ bụng.
- Không tràn dịch màng phổi.



KẾT LUẬN : Gan nhiễm mỡ. Mass thùy P gan nghi vùng gan không nhiễm mỡ.

Đề nghị :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/01/2026 10:12
(Bác sĩ đã ký)

[Handwritten signature]

Ca lâm sàng 3

Đơn vị: *Medic*

Nơi lấy mẫu: **Lâu 1**

Loại mẫu: **Máu/N.Tiểu**

BS yêu cầu: **BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THÚY**

Tình trạng mẫu: **Đạt**

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Lipoprotein (a) (nmol/L)	8.73	(≤ 105 nmol/L)	
Lipoprotein (a) (mg/dL)	5.76	(≤ 50 mg/dL)	
GGT¹	72.40 H	(Nam < 55 U/L, Nữ < 36 U/L)	QTSH004
SGOT (AST)¹	27.52	(< 35 U/L)	QTSH005
SGPT (ALT)¹	40.47 H	(< 30 U/L)	QTSH013
IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY			
Troponin-I hs (Abbott) ¹	<3.20	Phân tử nguy cơ tim mạch	QTMD011.1
Phân tử nguy cơ tim mạch	Nguy cơ thấp	Nam: Thấp < 6 ng/L Trung bình: 6 - 12 ng/L Cao > 12 ng/L	
Free PSA ²	0.291	(ng/mL)	QTMD147
P.S.A ²	0.590	(< 4 ng/mL)	QTMD038
F.PSA/T.PSA	49.32	(F.PSA/T.PSA > 20%)	
TSH u.sensitive (3rd G)¹	2.19	(0.32 - 5 µIU/mL)	QTMD009
Free T4 ² (Roche)	1.22	(0.92 - 1.68 ng/dL)	QTMD036
HBsAg (Định tính, qualitative)¹	Âm tính S/CO 0.367	(S/Co < 1)	QTMD017
Anti HBs (Định lượng, quantitative) ²	200.1 H	(≥ 10 mIU/mL)	QTMD123
Anti HBc Total (IgG+IgM)(Roche) ²	Dương tính S/CO 0.187	(S/Co > 1)	QTMD120
Anti HCV (Định tính, qualitative)¹	Âm tính S/CO 0.054	(S/Co < 1)	QTMD018
V. SINH HỌC PHÂN TỬ - MOLECULAR BIOLOGY			
* HCC Risk (WAKO) ² :	*		
AFP	1.2	(< 20 ng/mL)	
AFP - L3	<0.5	(0 - 10 %)	

Đơn vị: *Medic*

Nơi lấy mẫu: **Lâu 1**

Loại mẫu: **Máu/N.Tiểu**

BS yêu cầu: **BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THÚY**

Tình trạng mẫu: **Đạt**

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
URINARY ANALYSIS:	*		QTVS044
1) Chemistry (Sinh Hóa) :	*		
Glucose	Âm tính	(mmol/L)	
Ketone	Âm tính	(< 0.5 mmol/L)	
Bilirubin	Âm tính	(µmol/L)	
Urobilinogen	Âm tính	(µmol/L)	
Color	Vàng nhạt		
Clarity	Trong		
Spe-Gravity	1.018	(1.005-1.030)	
pH	7.0	(4.6-8.0)	
Albumin	Âm tính	(mg/L)	
Protein	Âm tính	(g/L)	
Alb/Creat ratio-ACR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 30 mg/gCr)	
Pro/Creat ratio-PCR (bán định lượng)	Bình thường	(Bình thường < 150 mg/gCr)	
Blood	Âm tính	(Âm tính)	
Leucocytes	Âm tính	(Âm tính)	
Nitrite	Âm tính	(Âm tính)	
2) Urine Sediment (Cặn Lắng):	.	(particles/µL)	
Red Blood Cells	0	(0 - 15)	
Leucocytes	0	(0 - 15)	
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)	
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)	
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)	
Uric acid	0	(0 - 6)	

Ca lâm sàng 3

Bệnh nhân được chẩn đoán Tăng huyết áp – Rối loạn chuyển hóa mỡ, tiền sử nhồi máu não, thuộc nhóm nguy cơ rất cao vì

- 42 tuổi, tiền sử NMN, THA tt 150mmHg
- TC – HDLc 4.82mmol/L
- LDLc cao 3.49mmol/L, Sd-LDLC rất cao (2.33 mmol/L)

Ca lâm sàng 3

Mục tiêu điều trị

- Huyết áp dưới 130/80
- LDLc dưới 1.4mmol/L (giảm 50% so mức nền)
- TG dưới 1.7mmol/L

TÓM LẠI

- **Bệnh nhân thăm khám lần đầu:** test mỡ máu truyền thống đầy đủ(TC và HDLc giúp phân tầng nguy cơ, LDLc để hướng đến mục tiêu điều trị theo phân tầng theo thang điểm Score2, Score2-OP, Score2-Diabetes
-
- **Lipoprotein (a)** nên làm một lần trong đời.
- Với những bệnh nhân nguy cơ cao được khuyến khích làm thêm **Apo B, sdLDL**
- **Chỉ định mỡ máu hợp lý , xử dụng thang điểm online trên dự báo nguy cơ tim mạch 10 năm và đưa ra mục tiêu điều trị, giúp bệnh nhân hiểu và tuân thủ đi**

THAM KHẢO

- Khuyến cáo của hội Tim mạch học Việt Nam: Điều trị rối loạn Lipid máu 2024
- 2018 AHA/ACC Guideline on the Management of Blood Cholesterol
- ESC/EAS Guidelines for the management of dyslipidaemias 2019
- 2025 Focused Update of 2019 ESC/EAS Guidelines for the management of dyslipidaemias